

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Kinh tế**; Chuyên ngành: **Quản trị-Quản lý**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Trần Ngọc Mai**

2. Ngày tháng năm sinh: 08/03/1991; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vũ Bản, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Căn hộ A1512 Chung Cư Thăng Long Number One, 283 Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ B1001 Chung Cư Thăng Long Number One, 283 Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:...; Điện thoại di động: 0983665816; E-mail: maitn@hvn.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 9/2013 - đến 11/2014: Giảng viên Bộ môn Thanh toán Quốc tế, Khoa Ngân hàng, Học viện Ngân hàng.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Từ 12/2014 - đến nay: Giảng viên Bộ môn Đầu tư Quốc tế, Khoa Kinh doanh Quốc tế, Học viện Ngân hàng

Từ 9/2014 - đến 9/2015: Học chương trình thạc sỹ Tài chính Ngân hàng tại trường đại học London, Queen Mary, Anh Quốc

Từ 11/2016 - đến 1/2021: Học chương trình tiến sĩ Kinh tế Quốc tế tại trường đại học Ngoại thương, Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Phó chủ nhiệm Bộ môn Đầu tư Quốc tế, Khoa Kinh doanh Quốc tế, Học viện Ngân hàng

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó chủ nhiệm Bộ môn Đầu tư Quốc tế, Khoa Kinh doanh Quốc tế, Học viện Ngân hàng

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng

Địa chỉ cơ quan: Số 12 Chùa Bộc, phường Quang Trung, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (+8424) 35773383

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): **Không**

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 12 năm 2012; số văn bằng:.....; Giấy XN của Cục KĐCL đã vào sổ đăng ký số 011039/CNVB.ĐH; ngành: Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành: Kinh doanh Quốc tế, Ngân hàng và thị trường tài chính; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Nebraska, Omaha, Hoa Kỳ (Chương trình cử nhân bằng tiếng Anh).

- Được cấp bằng ThS ngày 1 tháng 9 năm 2015; số văn bằng: 00013132; Giấy XN của Cục KĐCL đã vào sổ đăng ký số 011040/CNVB.ĐH; ngành: Kinh tế và tài chính; chuyên ngành: Ngân hàng và tài chính; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường đại học London, Queen Mary, Anh Quốc (Chương trình thạc sỹ bằng tiếng Anh).

- Được cấp bằng **TS** ngày 27 tháng 05 năm 2021; số văn bằng: 00213; ngành: Kinh tế Quốc tế; chuyên ngành: Kinh tế Quốc tế; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Ngoại Thương, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày...tháng... năm..., ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: **Học viện Ngân hàng.**

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: **Kinh tế**

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

13.1. Hướng nghiên cứu 1: Nghiên cứu vĩ mô về đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế và phát triển kinh tế bền vững

- *Đặt vấn đề và lý do xác định hướng nghiên cứu:* Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển kinh tế nhanh chóng, việc định hướng nghiên cứu về đầu tư, thương mại và phát triển kinh tế bền vững trở nên cấp thiết. Hướng nghiên cứu này được xác định nhằm phát triển các giải pháp quản trị - quản lý, không chỉ giải quyết các thách thức kinh tế vĩ mô mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững, thúc đẩy sự ổn định và tăng trưởng kinh tế trong khu vực và toàn cầu.

- *Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng:* Phương pháp nghiên cứu chính được áp dụng là phân tích định lượng và định tính, sử dụng dữ liệu lớn và mô hình hóa kinh tế để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến nền kinh tế. Phương pháp này giúp nghiên cứu đạt được hiểu biết sâu sắc hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến đầu tư và thương mại quốc tế trong bối cảnh phát triển kinh tế bền vững.

- *Các bài báo và báo cáo khoa học có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu:* Bao gồm các nghiên cứu đa dạng, tập trung vào việc phân tích và đánh giá sâu các yếu tố kinh tế vĩ mô từ góc độ quốc gia và quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và khu vực hóa. Các công trình trong hướng nghiên cứu này khám phá một loạt các chủ đề về thương mại, đầu tư quốc tế và phát triển bền vững. Cụ thể, nhóm nghiên cứu về thương mại quốc tế gồm phân tích mối quan hệ thương mại của Việt Nam với AEC [2], nghiên cứu vị thế thương mại của Việt Nam trong ASEAN [30] hay đo lường tác động của các yếu tố đến xuất khẩu của Việt Nam sang một khu vực thương mại khác [26] từ đó đưa ra các hàm ý chính sách thúc đẩy thương mại của Việt Nam. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu tập trung vào ngành cụ thể, như ngành dệt may Việt Nam, đánh giá lợi thế cạnh tranh và chiến lược nâng cao vị thế thương mại của ngành này trong chuỗi giá trị toàn cầu [7] giúp hiểu rõ hơn về cách thức các ngành công nghiệp cụ thể đóng góp vào nền kinh tế quốc gia và quốc tế. Nhóm

nghiên cứu về FDI tập trung nhận diện, phân tích và đo lường tác động của các nhân tố đến thu hút FDI [8, 10, 14] từ đó đưa ra các kiến nghị, định hướng xây dựng chính sách thu hút FDI nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam. Một khía cạnh quan trọng khác trong hướng nghiên cứu này là sự tập trung vào phát triển bền vững và môi trường. Các nghiên cứu đo lường hiệu quả sử dụng năng lượng [15,20], phân tích tác động của logistics xanh [17, 28, 31], năng lượng tái tạo [16] và ảnh hưởng của các yếu tố này đối với GDP, FDI, thương mại và lượng khí thải CO₂, không chỉ góp phần vào việc hiểu biết về mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường mà còn hướng tới việc tìm ra giải pháp cho sự phát triển kinh tế bền vững.

- *Đề tài nghiên cứu khoa học có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu:* Đề tài nghiên cứu [1,2] tập trung vào phân tích đo lường tác động của các yếu tố vĩ mô như FDI xanh, logistics xanh, phát triển kinh tế bền vững và thương mại khu vực, không chỉ phản ánh mối quan tâm đến sự phát triển kinh tế có trách nhiệm với môi trường mà còn nhấn mạnh đến việc tích hợp các yếu tố bền vững vào lĩnh vực đầu tư và thương mại. Đây là các nghiên cứu quan trọng, cung cấp cái nhìn sâu sắc và là cơ sở dữ liệu cho các nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư và các bên liên quan khác nhằm thúc đẩy một nền kinh tế xanh và bền vững hơn.

- *Sách phục vụ đào tạo có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu:* Trong lĩnh vực xuất bản, tôi đã đóng góp vào việc biên soạn các sách tham khảo như "Tác động của hiệp định đối tác kinh tế toàn diện RCEP đến ngành may mặc Việt Nam", "Tín dụng thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu" tất cả đều phản ánh sâu sắc các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế, dựa trên nền tảng nghiên cứu thực tiễn và lý thuyết chắc chắn.

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 14

+ Số thứ tự trong Mẫu 01: [2], [7], [8], [10], [14], [15], [16], [17], [18], [20], [26], [28], [30], [31].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính sau khi được công nhận TS:

++ Số lượng: 3

++ Số thứ tự trong Mẫu 01: [16], [26], [31].

- Đề tài NCKH các cấp là chủ nhiệm:

+ Số lượng: 2

+ Số thứ tự trong Mẫu 01: [1], [2].

- Sách phục vụ đào tạo:

+ Số lượng: 2

+ Số thứ tự trong mẫu 01: [1], [2].

- *Môn học, chuyên đề (phù hợp với hướng nghiên cứu) đã tham gia giảng dạy:* Sự liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo là yếu tố then chốt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu của thời đại. Trong khuôn khổ hướng nghiên cứu về đầu tư, thương mại và phát triển kinh tế bền vững ở cấp độ vĩ mô, các kết quả nghiên cứu đã được liên hệ trong nội dung các mô học và chuyên đề tôi đã và đang tham gia giảng dạy như "Kinh doanh Quốc tế", "Môi trường kinh doanh quốc tế", "Toàn cầu hóa và Hội nhập kinh tế", "Hội nhập khu vực và kinh doanh toàn cầu", được thiết kế nhằm mục đích trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sinh viên trong việc phân tích và đánh giá các yếu tố kinh tế vĩ mô.

- *Kết quả triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tế:* Các kết quả triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn bao gồm việc phát triển các mô hình dự báo kinh tế giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra các quyết định chính xác trong lĩnh vực đầu tư và thương mại quốc tế. Ngoài ra, các nghiên cứu về hiệu quả năng lượng, năng lượng tái tạo và logistics xanh có thể được áp dụng để cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững. Những nghiên cứu và ứng dụng này không chỉ chứng minh tính hiệu quả của phương pháp tiếp cận khoa học trong việc giải quyết các vấn đề kinh tế mà còn thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp trong nước và quốc tế, hỗ trợ sự nghiệp phát triển kinh tế bền vững toàn cầu.

13.2.2. Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu vi mô về quản trị hành vi và thực hành kinh doanh bền vững

- *Đặt vấn đề và lý do xác định hướng nghiên cứu:* Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực hành vi tổ chức, cá nhân và thực hành kinh doanh bền vững không chỉ là một nhu cầu mà còn là một thách thức cấp thiết. Hướng nghiên cứu này được xác định nhằm phát triển các giải pháp quản trị-quản lý có thể áp dụng vào thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

- *Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng:* Phương pháp nghiên cứu chủ yếu được áp dụng bao gồm phân tích định tính và định lượng, thử nghiệm mô hình, sử dụng dữ liệu thứ cấp, sơ cấp và phần mềm thống kê để xử lý dữ liệu. Phương pháp này giúp nghiên cứu đạt được hiểu biết sâu sắc hơn về hành vi người dùng, người tiêu dùng và đánh giá tác động của các yếu tố vi mô đến các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Các bài báo và báo cáo khoa học có nội dung phù hợp với hướng nghiên cứu:* Hướng nghiên cứu này tập trung vào việc phân tích và đánh giá sâu rộng các yếu tố ảnh hưởng đến quản trị hành vi và thực hành kinh doanh bền vững từ góc độ vi mô, bao gồm các chủ đề nghiên cứu về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), tác động của công nghệ đến hành vi người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Cụ thể, các nghiên cứu về CSR được triển khai ở các phạm vi khác nhau như đối với doanh nghiệp FDI [3], trong bối cảnh tự do thương mại quốc tế [6], vai trò của CSR đối với việc cải thiện doanh tiếng [5] và các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp [13], sử dụng đa dạng các phương pháp nghiên cứu trong đó có một phương pháp có tính mới là sử dụng phân tích đường bao dữ liệu (DEA) để tính toán giá trị hiệu quả thực hiện CSR [5]. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu cũng nhấn mạnh tới các thách thức và cơ hội đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc áp dụng chứng chỉ chất lượng quốc tế [24] và đạt được chứng nhận môi trường [12], phản ánh mối quan hệ phức tạp giữa thực hành kinh doanh và bền vững môi trường. Nhóm nghiên cứu về ảnh hưởng của công nghệ đến hành vi người tiêu dùng trong các lĩnh vực khác nhau như tác động của văn hóa đến sự chấp nhận M-commerce [9, 21], vai trò của thông tin và công nghệ trong việc tạo ra sự hài lòng cho khách hàng trong lĩnh vực E-logistics [11], xây dựng mô hình E-learning bền vững [19], ý định sử dụng E-gov của đối tượng người dùng trung niên [27]. Bên cạnh đó, xét trong khía cạnh quản trị-quản lý cũng có các nghiên cứu về công nghệ khác như ứng dụng của công nghệ AI trong nghiên cứu và xuất bản học thuật [22, 23] hay nghiên cứu về hành vi như phòng cháy chữa cháy [29]. Qua đó có thể thấy, hướng nghiên cứu này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về cách thức các doanh nghiệp và người tiêu dùng tương tác với công nghệ và môi trường, mà còn đóng góp vào việc xây dựng các chiến lược kinh doanh bền vững trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế.

- *Hướng dẫn NCS/HVCH, CK2, BSNT thuộc hướng nghiên cứu.* Hướng dẫn HVCH thực hiện nghiên cứu các đề tài trong phạm vi của các đơn vị, cung cấp góc nhìn vi mô về hành vi của các tổ chức trong các nghiệp vụ cụ thể như tín dụng [1] và tài trợ thương mại quốc tế [2]. Các công trình của học viên đã góp phần quan trọng vào lĩnh vực nghiên cứu,

các kết quả nghiên cứu có tính khả thi cao, được áp dụng trong thực tiễn tổ chức, đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp và quốc gia.

- Bài báo và báo cáo khoa học:

+ Số lượng: 17

+ Số thứ tự trong Mẫu 01: [1], [3], [4], [5], [6], [9], [11], [12], [13], [19], [21], [22], [23], [24], [25], [27], [29].

Trong đó, bài báo quốc tế uy tín là tác giả chính sau khi được công nhận TS:

++ Số lượng: 3

++ Số thứ tự trong Mẫu 1: [9], [11], [19].

- Hướng dẫn Cao học và TS:

+ Số lượng: 2

+ Số thứ tự trong Mẫu 01: [1], [2].

- *Môn học, chuyên đề (phù hợp với hướng nghiên cứu) đã tham gia giảng dạy:* Trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ và sự thay đổi liên tục trong hành vi người tiêu dùng, việc tích hợp những nghiên cứu khoa học vào chương trình đào tạo là hết sức cần thiết. Điều này không chỉ giúp người học hiểu sâu hơn về những thách thức và cơ hội hiện tại mà còn trang bị cho người học các kỹ năng cần thiết để phản ứng linh hoạt và sáng tạo trước các tình huống kinh doanh thực tế. Trong khuôn khổ hướng nghiên cứu ở cấp độ vi mô liên quan đến quản trị hành vi và thực hành kinh doanh bền vững, các kết quả nghiên cứu đã được liên hệ trong nội dung các mô học và chuyên đề tôi đã và đang tham gia giảng dạy như "Kinh doanh Quốc tế", "Môi trường kinh doanh quốc tế", "Chiến lược kinh doanh quốc tế" và "Đạo đức kinh doanh" nhằm phản ánh các xu hướng tiêu dùng mới nhất và những tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ cũng như thực hành bền vững.

- *Kết quả triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tế:* Kết quả nghiên cứu từ hướng nghiên cứu vi mô này mang lại lợi ích đa dạng cho nhà hoạch định chính sách, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục và người tiêu dùng. Các nhà lập pháp có thể sử dụng những phát hiện để phát triển chính sách thúc đẩy sự bền vững và đổi mới kinh doanh thân thiện với môi trường và phù hợp với sự phát triển công nghệ. Doanh nghiệp có thể cải tiến quy trình và phát triển sản phẩm mới, phù hợp với nhu cầu thị trường đang thay đổi. Các trường đại học có thể tích hợp kết quả này vào chương trình giảng dạy để chuẩn bị cho sinh viên trở thành nhà lãnh đạo trong môi trường kinh doanh hiện đại. Người tiêu dùng

nhận được thông tin giúp họ lựa chọn các sản phẩm bền vững, góp phần vào môi trường và xã hội tốt hơn.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng)NCS bảo vệ thành công luận án TS;
 - Đã hướng dẫn (số lượng) **02** HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
 - Đã hoàn **02** thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:
- + Chủ nhiệm đề tài: **02** đề tài NCKH cấp Học viện Ngân hàng;
- Đã công bố (số lượng) **31** bài báo khoa học, trong đó **06** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín sau khi được công nhận TS (**06** bài là tác giả chính);
 - Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
 - Số lượng sách đã xuất bản **02**, trong đó thuộc nhà xuất bản có uy tín;
 - Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Học bổng bậc cử nhân bao gồm: Keith V. Kiernan Scholarship, College of Business Administration Scholarship, Nebraska Bankers Association Scholarship
- Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2022-2023
- Giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nghiên cứu khoa học” của Giám đốc Học viện Ngân hàng năm học 2022-2023; 2023-2024
- Giấy khen giảng viên hướng dẫn sinh viên đạt giải Nhất, Nhì Giải thưởng “Sinh viên Nghiên cứu khoa học” cấp Học viện năm học 2022-2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): **Không**

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Sau hơn mười năm công tác tại Học viện Ngân hàng, với cương vị là một giảng viên, tôi nhận thấy mình luôn hoàn thành tốt các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học.

Về mặt chính trị tư tưởng, tôi luôn tuân thủ nghiêm ngặt các chủ trương của Đảng và Nhà nước, đồng thời giữ vững lập trường và phẩm chất chính trị như một Đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi không ngừng tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức và chuyên môn nghiệp vụ theo những tiêu chuẩn cao nhất.

Về trình độ chuyên môn, tôi không ngừng nâng cao kiến thức qua việc tham gia và tự học nhiều chương trình đào tạo, cập nhật xu hướng mới và kỹ năng thực tiễn trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế và phát triển bền vững. Tôi cũng tích cực tham gia các hoạt động trao đổi, phản biện với các chuyên gia, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của bản thân.

Về công tác giảng dạy, tôi đã và đang dạy cho sinh viên bậc đại học, thạc sỹ, hệ chuẩn, hệ chất lượng cao, hệ liên kết quốc tế. Tôi luôn cập nhật kiến thức mới và đổi mới phương pháp giảng dạy. Kết quả giảng dạy hàng năm của tôi luôn được đánh giá cao về hiệu suất và chất lượng, nhận được nhiều phản hồi tích cực từ sinh viên.

Về nghiên cứu khoa học, với niềm say mê nghiên cứu khoa học, tôi đã chủ trì **02** đề tài nghiên cứu cấp cơ sở được nghiệp thu với kết quả giỏi và xuất sắc, công bố **31** bài báo khoa học trên các tạp chí uy tín quốc gia và quốc tế, và tham gia viết **02** sách tham khảo chuyên ngành. Ngoài ra, tôi còn tích cực hỗ trợ và định hướng các giảng viên trẻ và sinh viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại Học viện.

Bên cạnh đó, tôi cũng tích cực tham gia xây dựng chương trình đào tạo cho các bậc học từ đại học đến sau đại học, góp phần vào việc đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục tại Học viện Ngân hàng. Sự nỗ lực không ngừng này chứng tỏ cam kết của tôi đối với sự nghiệp giáo dục, phù hợp với yêu cầu của Đảng, Nhà nước và Học viện trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 08 năm 09 tháng

- **Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):**

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2018-2019				2	315		315/547/270
2	2019-2020				2	270		270/491/270
3	2020-2021				2	135		135/222/145
03 năm học cuối								
4	2021-2022				2	180		180/359/270
5	2022-2023				5	225	45	270/510/270
6	2023-2024			2	4	180		180/465/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: Hoa Kỳ; từ năm 2009 đến năm 2012

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Anh Quốc, năm 2015

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Chương trình cử nhân quốc tế CityU, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học City University (Hoa Kỳ), Việt Nam.

+ Chương trình cử nhân quốc tế Sunderland, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học Sunderland (Anh Quốc), Việt Nam.

+ Chương trình cử nhân quốc tế Coventry, liên kết giữa Học viện Ngân hàng với Đại học Coventry (Anh Quốc), Việt Nam.

+ Chương trình chất lượng cao ngành Tài chính-Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Việt Nam.

+ Chương trình chất lượng cao ngành Kinh doanh Quốc Tế, Học viện Ngân hàng, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/B SNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Trương Thị Thùy Dương		X	X		6/2023- 11/2023	Học viện Ngân hàng	16/04/2024
2	Hoàng Trung Hiếu		X	X		6/2023- 11/2023	Học viện Ngân hàng	16/04/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Tác động của hiệp định đối tác kinh tế toàn diện RCEP đến ngành may mặc Việt Nam	TK	NXB Thế Giới, 2024 ISBN: 978-604-345-490-1	6		Từ trang 151 đến trang 207	2749/GCN-HVNH ngày 24/6/2024
2	Tín dụng thương mại trong hoạt động xuất nhập khẩu	TK	NXB Thế Giới, 2024 ISBN: 978-604-77-3163-3	7		Từ trang 14 đến trang 33	2750/GCN-HVNH ngày 24/6/2024

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới¹ xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Tác động của FDI xanh đến tăng trưởng kinh tế bền vững tại Việt Nam	CN	DTHV.07/2023 Cấp cơ sở	3/2023 - 6/2023	06/06/2023 Xếp loại: Giỏi

2	Impacts of Green Logistics on Regional Trade	CN	DTHV.45/2024 Cấp cơ sở	3/2024 - 6/2024	17/06/2024 Xếp loại: Xuất sắc
---	--	----	---------------------------	--------------------	----------------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Các yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn chương trình cử nhân Học viện Ngân hàng của người học	3	X	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN 1859- 011X		5	193: 65-75	6/2018
2	Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong quan hệ thương mại với các quốc gia trong khối AEC	3	X	Tạp chí Kinh tế đối ngoại ISSN: 1859-4050			120: 21-33	8/2018
3	Thực trạng thực hiện trách nhiệm xã hội đối với các đối tượng hữu quan của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			15(697): 42-46	5/2019
4	Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng thương mại di động tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			134: 22-33	10/2019
5	Applying 2-stage DEA model to evaluate the corporate social responsibility	1	X	Management Science Letters ISSN: 1923-9343	Scopus Q2 ¹	6	10 (11): 2491-2500	3/2020

¹ Final coverage: 2020, 10(16): 4045-4054

	implementing efficiency of FDI firms Link tại đây							
6	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh tự do thương mại quốc tế	1	X	Tạp chí kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			20: 17-20	7/2020
7	Nâng cao vị thế thương mại quốc tế của ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu: Hướng tiếp cận từ lợi thế so sánh bộc lộ RCA	3	X	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế ISSN: 1859-4050		1	131: 97-111	9/2020
8	Các yếu tố tác động đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài - nghiên cứu trường hợp top 15 quốc gia nhận đầu tư trực tiếp nước ngoài nhiều nhất thế giới	5	X	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X		5	222: 1-12	11/2020
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
9	The effects of cultural dimensions on mobile commerce acceptance of Vietnamese consumers Link tại đây	1	X	International Journal of Electronic Business ISSN: 1741-5063	Scopus Q3		16(3): 262-278	7/2021
10	The Role of Country Brand in FDI Attraction	1	X	ICYREB 2021 Proceeding ISBN: 978-604-343-393-7			3: 145-156	12/2021
11	Factors Influencing the Satisfaction of E-logistics Customers in Vietnam: The Mediating Role of Information Technology Link tại đây	3	X	International Journal of Electronic Commerce Studies ISSN: 2073-9729	Scopus Q3	1	13(4): 081-096	12/2022
12	Các yếu tố đặc điểm doanh nghiệp có ảnh	2	X	Tạp chí Phát triển bền vững vùng			4(12):	12/2022

	hướng đến khả năng đạt được chứng nhận môi trường của các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam			ISSN: 2354-0729			30-41	
13	The Impact of Corporate Social Responsibility on Strategic Objectives: Evidence from Vietnam	5	X	VNU University of Economics and Business ISSN: 2734-9861			2(6): 1-14	12/2022
14	Môi trường thu hút FDI hướng đến phát triển kinh tế bền vững tại Việt Nam giai đoạn hậu Covid-19	1	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN: 0866-7120			1(827): 93-97	1/2023
15	Hiệu quả sử dụng năng lượng của các quốc gia ctppp và hàm ý cho việt nam	3	X	Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới ISSN: 0868-2984			3(323): 3-8	2/2023
16	Renewable energy, GDP (gross domestic product), FDI (foreign direct investment) and CO2 emissions in Southeast Asia countries Link tại đây	1	X	International Journal of Energy Economics and Policy ISSN: 2146-4553	Scopus Q2	2	13(2): 1-6	3/2023
17	Tác động của logistics xanh đến xuất khẩu của việt nam đối với các quốc gia RCEP	4	X	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			178: 31-39	6/2023
18	Những vướng mắc trong định nghĩa và đo lường FDI xanh	1	X	Tạp chí Kinh tế và dự báo ISSN 0866-7120			17: 44-46	6/2023
19	A Holistic Success Model for Sustainable E-learning: the case of Vietnamese students during Covid-19 Pandemic	1	X	Cogent Business and Management ISSN 2331-1975	Scopus Q2, ESCI	2	10(2): 2236298	7/2023

	<u>Link tại đây</u>							
20	Hiệu quả sử dụng năng lượng và các nhân tố tác động đến hiệu quả sử dụng năng lượng của các quốc gia CPTPP, hướng tiếp cận từ mô hình sfa	4	X	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế ISSN: 1859-4050			157: 1-16	8/2023
21	Tác động của rào cản công nghệ đến ý định sử dụng thương mại di động	1	X	Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			189: 101-116	8/2023
22	Sử dụng công cụ AI phục vụ nghiên cứu và xuất bản học thuật	1	X	Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng ISSN: 1859-011X			258: 91-98	11/2023
23	AI và nghiên cứu học thuật: hướng tiếp cận đạo đức	1	X	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế ISSN: 1859-4050			160: 59-68	12/2023
24	Áp lực từ các bên liên quan đến việc áp dụng chứng chỉ chất lượng quốc tế của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Phát triển bền vững vùng ISSN: 2354-0729			4: 64-73	12/2023
25	Những yếu tố tác động đến thái độ đối với người có tâm ảnh hưởng của sinh viên thành phố Hà Nội	6		Tạp chí Khoa học Thương mại ISSN: 1859-3666			184: 105-116	1/2024
26	How technological readiness, among other factors, influences the agricultural export from Vietnam to the European Union <u>Link tại đây</u>	1	X	Journal of Eastern European and Central Asian Research e-ISSN: 2328-8280 p-ISSN: 2328-8272	Scopus Q3, ESCI		11(1): 16-27	2/2024
27	Các nhân tố tác động đến ý định sử dụng chính phủ di động đối với nhóm người dùng trung niên ở Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế thuộc Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam ISSN: 0866 7489			5(552): 21-32	5/2024

28	Navigating green logistics: A comparative analysis of RCEP countries through GLPI	1	X	CODI 2024 Proceeding ISBN: 978-604-492-114-3			2: 52-62	5/2024
29	Các yếu tố nhân khẩu học tác động đến hành vi phòng cháy chữa cháy của người dân Việt Nam	1	X	Tạp chí khoa đại học mở thành phố Hồ Chí Minh ISSN: 2734-9349 e-ISBN: 2734-9616			19(1): 33-45	5/2024
30	Vị thế thương mại của Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN	1	X	Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế ISSN: 1859-4050			164: 17-35	5/2024
31	Impact of green logistics on Vietnam's regional trade <u>Link tại đây</u>	1	X	The Asian Journal of Shipping and Logistics Online ISSN: 2352-4871 Print ISSN: 2092-5212	Scopus Q2, IF=3.1		40(2): 126-132	6/2024

- **Trong đó:** Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **6 bài** ([9], [11], [16], [19], [16], [31]).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

T T	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Trần Ngọc Mai